

## BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU HIỆN TƯỢNG CHUYỂN DI NGÔN NGỮ TỪ VIỆT SANG HÁN

LÊ VĂN TRUNG\*

### TÓM TẮT

*Lý thuyết chuyển di ngôn ngữ khẳng định ngôn ngữ nào càng giống với tiếng mẹ đẻ của người học, thì càng giúp cho họ tiếp cận ngôn ngữ đó dễ dàng hơn. Bài viết này trình bày một số kết quả nghiên cứu về hiện tượng chuyển di ngôn ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Hán qua những số liệu khảo sát và ngữ liệu cụ thể.*

**Từ khóa:** chuyển di ngôn ngữ, dạy và học tiếng Hán, tiếng Việt, từ Hán Việt.

### ABSTRACT

#### *Initial study of language transfer from Vietnamese to Chinese*

*Transference theory of language asserts that the language which is more similar to learner's mother tongue, will help them approach and grasp it easier and more convenient. In this paper, we present some initial findings on the phenomenon of transference from Vietnamese into Chinese through survey data and specific corpus.*

**Keywords:** language transfer, learning and teaching Chinese, Vietnamese, Sino-Vietnamese sounded words.

### 1. Đặt vấn đề

Sự tiếp xúc giữa tiếng Hán và tiếng Việt đã trải qua hàng ngàn năm, có những giai đoạn người Việt dùng tiếng Hán như một ngôn ngữ chính thống. Hệ quả của sự tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ là đã để lại trong từ vựng tiếng Việt hiện đại một lớp từ Hán Việt phong phú và đa dạng. Trong đó, có những từ giữ nguyên nghĩa như trong tiếng Hán hiện đại<sup>1</sup>, có những từ lại phát triển thêm nghĩa mới hoặc bớt nghĩa, biến nghĩa. Bên cạnh đó, người Việt còn sử dụng nhiều yếu tố Hán Việt với tư cách là những hình vị để tạo từ mới khiến vốn từ tiếng Việt thêm phong phú. Sau này, tiếng Hán và tiếng Việt phát triển theo con đường riêng của mình. Những yếu tố vay mượn từ tiếng

Hán đã chịu sự chi phối bởi các quy luật phát triển ngôn ngữ của tiếng Việt. Chính vì vậy, khi người Việt học tiếng Hán hiện đại, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn gặp những khó khăn nhất định. Sự tương đồng hay dị biệt giữa lớp từ Hán Việt và tiếng Hán hiện đại đều có thể gây “nhiều” cho người học. Tức là có thể xảy ra hiện tượng chuyển di ngôn ngữ trong quá trình học tập.

Bài viết này chỉ trình bày kết quả khảo sát về hiện tượng chuyển di ngôn ngữ từ Việt sang Hán trên bình diện ngữ âm, cụ thể là âm Hán Việt. Nghĩa là chúng tôi khảo sát sự ảnh hưởng của âm Hán Việt đối với người Việt học tiếng Hán hiện đại.

Hiện tượng chuyển di ngôn ngữ thường diễn ra theo hai chiều hướng: *tích cực* và *tiêu cực*.

\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

**2. Chuyển di tích cực**

Chuyển di tích cực là hiện tượng chuyển di những hiểu biết và kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ vào quá trình học một ngoại ngữ, giúp cho việc học ngoại ngữ trở nên dễ dàng hơn, bởi vì có sự giống nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ cần học.

Tiếng Hán và tiếng Việt đều thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, đơn tiết tính, có thanh điệu. Mỗi chữ Hán đều có âm

Hán Việt tương ứng. Trong tiếng Việt và tiếng Hán tồn tại hàng loạt từ tương đương nhau về mặt ngữ âm (như cùng số lượng âm tiết; cấu tạo âm tiết khá giống nhau: tương tự về phụ âm đầu, vần, thanh điệu;...). Vì vậy, về mặt lý thuyết, người Việt học tiếng Hán sẽ có những thuận lợi nhất định trong vấn đề phát âm. Có thể liệt kê hàng loạt từ Hán Việt có cấu âm gần với âm của từ tương ứng trong tiếng Hán hiện đại như bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1.** Những từ Hán Việt có cấu âm gần với âm đọc trong tiếng Hán hiện đại

STT	Từ Hán Việt	Hán tự	Phiên âm La-tin	STT	Từ Hán Việt	Hán tự	Phiên âm La-tin
1	<i>bảo mẫu</i>	保姆	bA&omũ	8	<i>chủ hôn</i>	主婚	zhủhūn
2	<i>công an</i>	公安	gōng'A#n	9	<i>chủ mưu</i>	主谋	zhǔmóu
3	<i>công binh</i>	工兵	gōngbīng	10	<i>đạo sĩ</i>	道士	dA∅oshi
4	<i>binh sĩ</i>	兵士	bīngshì	11	<i>gia trưởng</i>	家长	jiA#zhA&ng
5	<i>bộ trưởng</i>	部长	bùzhA&ng	12	<i>hoàng hậu</i>	皇后	huA≡nghòu
6	<i>cán bộ</i>	干部	gA∅nbù	13	<i>lao động</i>	劳动	lA≡odòng
7	<i>chủ khảo</i>	主考	zhǔkA&o	14	...		

Nếu người học có được vốn từ Hán Việt và tiếng Hán nhất định, thì trong quá trình học tập hay giao tiếp, họ sẽ có những phản xạ mang tính bản năng ngôn ngữ. Chẳng hạn khi học từ 公安, nghe giáo viên đọc [gōng'A#n], người học rất có thể lập tức nghĩ tới tổ hợp âm Hán Việt [koN1 Av1] ‘công an’, tương tự với 劳动 [lA≡odòng] → *lao động* ‘lao động’, 皇家 [huA≡ngjiA#] → *hoàng gia* ‘hoàng gia’,... Ngược lại, khi nghe một tổ hợp âm từ Hán Việt như *cán bộ*, *bộ trưởng*, *bảo mẫu*,... thì họ sẽ liên tưởng tới từ tiếng Hán có âm tương ứng như 干部 [gA∅nbù] *cán bộ* ‘cán bộ’, 部长

[bùzhA&ng] *bộ trưởng* ‘bộ trưởng’, 保姆 [bA&omũ] *bảo mẫu* ‘bảo mẫu’...

**3. Chuyển di tiêu cực**

Song song với hiện tượng chuyển di tích cực, cũng thường xảy ra hiện tượng chuyển di tiêu cực trong quá trình học ngoại ngữ. Tức là do người học áp dụng không thích hợp những phương tiện, cấu trúc, quy tắc trong tiếng mẹ đẻ vào quá trình học ngoại ngữ, làm cho việc sử dụng ngôn ngữ đó bị sai lệch.

Tuy rằng, giữa lớp từ Hán Việt và tiếng Hán hiện đại có sự tương đồng về mặt ngữ âm, đã tạo cho người học những thuận lợi nhất định trong quá trình học tiếng Hán hiện đại, nhưng chính sự tương đồng ấy cũng là tác nhân gây “nhiều” cho

người học. Người học dễ có xu hướng “biến” *cái tương đồng thành cái đồng nhất*. Nói cách khác, họ dễ lấy các đơn vị từ vựng trong tiếng mẹ đẻ thay thế cả âm và nghĩa các đơn vị từ vựng tương đồng trong ngoại ngữ đang học, chẳng hạn như từ 困难 [kūnnA≡n] có âm Hán Việt là **khốn nạn**, nghĩa trong tiếng Hán hiện đại là “khó khăn”, nhưng khi người Việt dùng âm Hán Việt thì nó lại có hai nghĩa: ① Khốn khổ đến mức thảm hại, đáng thương. *Cuộc sống khốn nạn của người dân nghèo thời trước*. ② Hèn mạt, không còn chút nhân cách, đáng khinh bỉ, đáng nguyên rủa (*Đồ khốn nạn!*). Tương tự, từ 表情 [biA&oqing] *biểu tình*, nghĩa trong tiếng Hán hiện đại là “bộc lộ tư tưởng tình cảm trong lòng qua sắc mặt và thái độ”, nhưng trong tiếng Việt lại có nghĩa là “đấu tranh bằng cách tụ họp đông đảo để bày tỏ ý chí, nguyện vọng và biểu dương lực lượng chung”. Muốn nói *biểu tình* với nghĩa như trong tiếng Việt, người Trung Quốc dùng 示威 [shìwēi] *thị uy* chứ không dùng từ 表情. Ngược lại, trong tiếng Việt từ *thị uy* lại có nghĩa “biểu dương sức mạnh để gây áp lực, uy hiếp ai đó”. Như vậy, khi vào hệ thống từ vựng tiếng Việt, những từ này phát sinh thêm nghĩa khác với nghĩa gốc của nó, nếu nắm không vững sẽ dẫn đến dịch sai, ví dụ như: 工作很困难 “\*công việc rất khốn nạn<sup>2</sup>” thay vì dịch “công việc rất khó khăn”.

Tương tự, những từ như: *bác sĩ, cử nhân, thư kí, thủ thuật, ...* về ý nghĩa, giữa những từ tương đương trong từng cặp, nhiều khi cũng có những sự khác biệt, tạo thành những “cạm bẫy” đối với người

Việt học tiếng Hán hay người Trung Quốc học tiếng Việt. Trong ví dụ trên có từ 工作 [gōngzuò] *công tác*, nghĩa trong tiếng Hán hiện đại là “làm việc, công việc”, còn *công tác* trong tiếng Việt có nghĩa là “làm công tác”, nhưng với câu “Ngày mai anh ấy đi công tác” thì không thể dịch sang tiếng Hán hiện đại là “\*明天他去工作” mà là “明天他去出差”, bởi vì từ *công tác* trong câu này nằm trong tổ hợp *đi công tác* cho nên nó mang ý nghĩa khác, khiến cho người mới học rất dễ nhầm lẫn. Trong tiếng Hán hiện đại, muốn nói ý nghĩa “đi công tác” thì phải dùng từ 出差 [chūchA#] *xuất sai*. Hoặc từ 兽医 [shòuyī] *thú y* trong tiếng Hán hiện đại có nghĩa là “bác sĩ chuyên chữa trị bệnh cho gia súc, gia cầm”. Còn trong tiếng Việt hiện đại, *thú y* lại có nghĩa là “môn phòng bệnh, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và kiểm nghiệm sản phẩm chăn nuôi”. Vì vậy, muốn biểu đạt nghĩa như trong tiếng Hán hiện đại thì người Việt phải nói là *bác sĩ thú y*, tức là phải dùng danh ngữ, chứ không dùng mỗi một từ *thú y*. Vì thế, khi nói tiếng Hán hiện đại, người Việt rất dễ mắc lỗi. Chẳng hạn, để nói “Anh ấy là bác sĩ thú y” thì không ít người Việt học tiếng Hán hiện đại nói là “他是一个兽医医生”, trong khi dùng đúng phải là “他是一个兽医”...

#### 4. Khảo sát hiện tượng chuyển di

Qua thực tế giảng dạy và kết quả làm bài của sinh viên, chúng tôi đã phát hiện những lỗi như giả thuyết vừa nêu ở mục 3. Tuy nhiên để tìm hiểu một cách đầy đủ và chính xác về hiện tượng và giả thuyết nêu trên, chúng tôi lập ba loại

phiếu khảo sát về sự ảnh hưởng của âm Hán Việt đối với người học tiếng Hán hiện đại dành cho hai đối tượng: đối tượng đã và đang học tiếng Hán hiện đại (loại phiếu thứ nhất), đối tượng chưa từng học tiếng Hán hiện đại (loại phiếu thứ hai). Mỗi loại chúng tôi phát ngẫu nhiên 60 phiếu. Khảo sát được thực hiện

với 60 sinh viên năm 1 và năm 2 Khoa Trung văn, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.

Chúng tôi yêu cầu sinh viên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hiện đại. Nội dung và kết quả khảo sát được thống kê ở bảng 2 sau đây:

**Bảng 2.** So sánh kết quả dịch nhóm từ Hán Việt và thuần Việt sang tiếng Hán hiện đại

NHÓM A				NHÓM B			
STT	Hán Việt	Tiếng Hán hiện đại	Tỉ lệ dịch đúng	STT	thuần Việt	Tiếng Hán hiện đại	Tỉ lệ dịch đúng
1	<i>quản gia</i>	管家	100%	1	<i>chị dâu</i>	嫂子/嫂嫂	65%
2	<i>nữ sinh</i>	女生	100%	2	<i>con rể</i>	女婿	63%
3	<i>quý tử</i>	贵子	98%	3	<i>đầu bếp</i>	厨师	58%
4	<i>tổng thống</i>	总统	95%	4	<i>thầy bói</i>	算命者	3%
5	<i>sử gia</i>	史家	95%	5	<i>con nợ</i>	债务人	0%

Bảng 2 cho thấy, những từ có tỉ lệ dịch đúng cao như *quản gia*, *nữ sinh*, *quý tử*,... đều có cấu trúc ngữ âm gần giống với cấu trúc ngữ âm của từ tương đương trong tiếng Hán hiện đại. Chẳng hạn hai từ *quản gia* và từ 管家 [guA&njiA#] đều có sự tương đồng về mặt ngữ âm: *quản* và [guA&n] đều có phụ âm đầu “q”, “g” /k/ là âm cuối lưỡi, tắc, vô thanh, không bật hơi; đều có vần *uan* và thanh điệu cũng tương đương nhau; *gia* và [jiA#] tuy hai phụ âm đầu có sự khác nhau, nhưng có cùng âm chính /A/ và thanh điệu cũng

tương đương nhau. Tương tự, hai từ *nữ sinh* và 女生 [nũshēng] cũng vậy: *nữ* và [nũ] đều có phụ âm đầu “n” /n/ là âm đầu lưỡi và thanh điệu cũng tương đương nhau; *sinh* và 生 [shēng] đều có âm đầu là phụ âm đầu lưỡi, xát, vô thanh và thanh điệu cũng giống nhau...

Chúng tôi đề nghị sinh viên dịch một nhóm từ thuần Việt để họ rút ra kết luận nhóm từ nào dễ nhớ và dễ dịch hơn. Sau khi sinh viên hoàn tất bảng khảo sát, chúng tôi bổ sung 2 câu hỏi phụ. Kết quả khảo sát tổng hợp ở bảng 3 sau đây:

**Bảng 3.** Nhận biết từ Hán Việt và độ khó dịch thuật

STT	Nội dung	Kết quả	Tỉ lệ %
1	Nhận biết được âm, từ Hán Việt		100%
2	Nhóm B khó dịch hơn nhóm A		100%

Bảng 3 cho thấy, tất cả những người được hỏi ý kiến đều cho rằng nhóm từ Hán Việt dễ dịch hơn nhóm từ thuần Việt. Số liệu khảo sát phân dịch của họ không hề mâu thuẫn với ý kiến về độ khó vừa nêu.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục lập phiếu khảo sát theo chiều ngược lại, tức là dịch từ tiếng Hán hiện đại sang tiếng Việt. Chúng tôi cũng chọn và chia ra hai nhóm từ tiếng Hán khác nhau. Nhóm A là những từ tiếng Hán hiện đại có âm Hán Việt tương ứng với từ Hán Việt còn được phổ dụng trong tiếng Việt hiện đại.

Chẳng hạn: 皇家 *hoàng gia* “hoàng gia”, 留学生 *lưu học sinh* “lưu học sinh, du học sinh”, 律师 *luật sư* “luật sư”,... Nhóm B là những từ tiếng Hán hiện đại có âm Hán Việt không tương ứng với từ Hán Việt phổ dụng nào trong tiếng Việt, nếu có thì cũng chỉ là những từ Hán Việt hiện nay rất ít được sử dụng trong tiếng Việt. Chẳng hạn: 观众 *quan chúng* “khán giả”, 上校 *thượng hiệu* “thượng tá”, 神父 *thần phụ* “linh mục, cha cố”,... Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 4 sau đây:

**Bảng 4.** Dịch nhóm từ tiếng Hán hiện đại có từ Hán Việt tương ứng và nhóm từ không có từ Hán Việt tương ứng

STT	Nội dung	Kết quả	Tỉ lệ %
1	Nhận biết được âm, từ Hán Việt		100%
2	Nhóm B khó dịch hơn nhóm A		100%
3	Dịch đúng nhóm từ có từ Hán Việt tương ứng (Nhóm A)		98%
4	Dịch đúng nhóm từ không có từ Hán Việt tương ứng (Nhóm B)		50%

Bảng 4 cho thấy sự chênh lệch về tỉ lệ dịch đúng giữa hai nhóm từ này rất cao. Nhóm A có tỉ lệ dịch đúng 98%, trong khi đó nhóm B chỉ có 50%. Do đó, chúng ta có thể khẳng định rằng nếu người học hiểu biết về số lượng âm hay từ Hán Việt nhiều thì sẽ gặp thuận lợi hơn trong công việc dịch thuật giữa hai ngôn ngữ Việt và Hán.

Để làm rõ hơn vấn đề trên, chúng tôi khảo sát thêm một số người Việt chưa từng học tiếng Hán. Chúng tôi đọc một số từ tiếng Hán hiện đại có âm Hán Việt tương ứng được dùng phổ biến trong tiếng Việt, rồi yêu cầu họ thử đoán nghĩa của từ đó. Chúng tôi chọn 20 từ tiếng Hán hiện đại, trong đó nhóm A: 10 từ có **âm đọc** gần giống với âm đọc của từ Hán

Việt thường được sử dụng trong tiếng Việt như: 公安 [gōng' A#n] *công an* “công an”, 皇后 [huA≡nghòu] *hoàng hậu* “hoàng hậu”,... và nhóm B: 10 từ có âm đọc không giống với âm đọc từ Hán Việt trong tiếng Việt như: 观众 [guA#nzhòng] *quan chúng* “khán giả”, 作者 [zuòzhě] *tác giả* ‘tác giả’... Cách thức khảo sát:

Phát ngẫu nhiên 60 phiếu, mỗi phiếu có 20 mục tương ứng với 20 từ, mỗi mục có ba đáp án (a, b, c). Sinh viên sau khi nghe đọc 3 lần thì chọn đáp án mà họ cho là đáp án đúng với nghĩa của từ tiếng Hán vừa đọc. Tổng hợp kết quả khảo sát của hai nhóm từ thể hiện ở bảng 5 sau đây:

**Bảng 5.** Tỷ lệ khảo sát nhóm từ có âm đọc gần giống với âm đọc của từ Hán Việt và nhóm từ có âm đọc không giống với âm đọc từ Hán Việt

STT	Nội dung	Kết quả	Tỷ lệ %
1	Chưa từng học tiếng Hán		100%
2	Cảm thấy nhóm A dễ chọn đáp án hơn nhóm B		100%
3	Chọn đáp án đúng ở nhóm A		86%
4	Chọn đáp án đúng ở nhóm B		20%

Bảng 5 cho thấy, nhóm từ có âm đọc gần giống với âm đọc của từ Hán Việt được dùng phổ biến trong tiếng Việt (nhóm A) có tỷ lệ chọn đúng đáp án là 86%. Tuy rằng, đây chỉ là bài tập khảo sát mang tính chất phỏng đoán nghĩa dựa vào sự tương đồng về mặt ngữ âm, nhưng những số liệu trên là những minh chứng để chúng ta có thể khẳng định rằng sự tương đồng về ngữ âm lẫn ngữ nghĩa sẽ tạo ra những thuận lợi nhất định trong quá trình học tiếng Hán hiện đại. Đây chính là hiện tượng *chuyển di tích cực*.

Kết quả thống kê cho thấy những từ nào có âm càng giống với âm đọc của tiếng Hán hiện đại thì tỷ lệ chọn đúng càng cao. Chẳng hạn những từ sau có tỷ lệ chọn đáp án đúng rất cao như 公安 [gōng' A#n] *công an* ‘công an’ (100%), 部长 [bùzhA&ng] *bộ trưởng* ‘bộ trưởng’

(98%), 干部 [gA≡nbù] *cán bộ* ‘cán bộ’ (100%), 报告员 [bA≡ogA≡oyuA≡n] *báo cáo viên* ‘báo cáo viên’ (100%),... Để hiểu rõ hơn, chúng ta phân tích một số trường hợp cụ thể sau đây:

- Từ 公安 [gōng' A#n] và từ *công an* có thanh điệu tương tự nhau (đều thuộc nhóm thanh bằng, âm vực cao), 公 [gōng] và *công* đều có phụ âm đầu “g”, “c” /k/, là âm cuối lưỡi, tắc, vô thanh; nguyên âm “o” và “ô” đều là nguyên âm hàng sau, tròn môi; và đều có âm cuối /N/. Tương tự 安 [A#n] và *an* cũng đều có âm đầu là âm tắc thanh hầu /ʔ/, âm chính /A/ và âm cuối là phụ âm /n/;

- Từ 部长 [bùzhA&ng] và từ *bộ trưởng* đều có cấu âm tương đối giống nhau. 部 [bù] và *bộ* đều có phụ âm đầu “b” /b/, là âm môi, tắc, không bật hơi;

nguyên âm “u” và “ô” đều là hai nguyên âm tròn môi. 长 [zhA&ng] và *trưởng* có phụ âm đầu “zh” / tʃ/ và “tr” / tʃ/ đều là âm đầu lưỡi, vô thanh, không bật hơi, và đều có âm cuối /N/;

- Từ 干部 [gAɤnbù] và từ *cán bộ* đều có phụ âm đầu “g”, “c” /k/ là âm cuối lưỡi, tắc, vô thanh, không bật hơi; đều có âm chính /a/ và âm cuối /n/. 部 [bù] và *bộ* cũng đều có phụ âm đầu “b” /b/, là âm môi, tắc, không bật hơi; nguyên âm “u” và “ô” đều là hai nguyên âm hàng sau, tròn môi...

Ngược lại, những từ có âm đọc hoàn toàn khác so với âm đọc tiếng Hán hiện đại thì tỉ lệ chọn đúng rất thấp, có từ chỉ khoảng 2% chọn đúng đáp án, như: 观众 [guA#nzhòng] *quan chúng* ‘khán giả’, 庭长 [tíngzhA&ng] *đình trưởng* ‘chánh án’, 支持者 [zhīchízhě] *chỉ trì giả* ‘cô động viên’...

## 5. Kết luận

Với kết quả khảo sát như trên, chúng ta có thể khẳng định rằng sự tương đồng về mặt ngữ âm giữa tiếng Hán hiện đại và lớp từ Hán Việt đã tạo những thuận lợi nhất định cho người học tiếng Hán. Nếu người học có vốn từ Hán Việt nhiều sẽ học tiếng Hán dễ dàng hơn, tức là dễ nhận biết nghĩa của từ hơn. Song,

trong tiếng Hán hiện đại cũng có rất nhiều từ không tương ứng về nghĩa với từ Hán Việt phổ dụng trong tiếng Việt, mà người học thì thường dựa vào âm Hán Việt và nghĩa của từng chữ Hán để đoán nghĩa nên dẫn đến hiểu sai nghĩa của từ. Sự tương đồng về âm Hán Việt đã tạo thuận lợi cho người học, nhưng cũng chính sự tương đồng ấy đã gây không ít khó khăn. Có thể nói rằng, chuyển di tích cực là hiện tượng chuyển di những hiểu biết và kĩ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ vào quá trình học một ngoại ngữ, giúp cho việc học ngoại ngữ trở nên dễ dàng hơn do có sự giống nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ cần học. Còn chuyển di tiêu cực làm cho việc học ngoại ngữ trở nên khó khăn hơn do áp dụng không thích hợp những phương tiện, cấu trúc, quy tắc trong tiếng mẹ đẻ vào quá trình học ngoại ngữ, làm cho việc sử dụng ngôn ngữ đó bị sai lệch. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa hai ngôn ngữ có những sự khác biệt nhất định.

Vì vậy, việc nghiên cứu, khảo sát hiện tượng chuyển di ngôn ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Hán sẽ giúp cho người học biết và tránh được những lỗi thường gặp trong quá trình học tiếng Hán, đồng thời có thể phát huy những ưu điểm của ngôn ngữ mẹ đẻ.

<sup>1</sup>Theo quy định của Bộ Giáo dục Việt Nam gọi là “Tiếng Trung Quốc” (nếu coi như Ngoại ngữ), nhưng để việc trình bày về vấn đề tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ, hiện tượng chuyển di ngôn ngữ,... được logic và có tính hệ thống hơn, trong bài viết này chúng tôi dùng thuật ngữ “tiếng Hán” và “tiếng Hán hiện đại”.

<sup>2</sup>Dấu \* để chỉ không tương thích về cách dịch, không nói là.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Văn Các (2003), *Từ điển từ Hán Việt*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Tài Cẩn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb Giáo dục, TPHCM.
4. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phan Ngọc, Phạm Đức Dương (1983), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á, Hà Nội.
6. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Odlin, T. (1989), *Language Transfer*, Cambridge University Press.
9. Hou, Hanjiang 侯寒江, Mai Weiliang 麦伟良 (ed.) (1997), *Han Yue Cidian (Chinese - Vietnamese Dictionary)*, Beijing: Shangwu Press.
10. Yang, Runlu 杨润陆 and Zhou Yiming 周一民 (1999), *Xiandai Hanyu (Modern Chinese)*, Beijing: Beijing Shifan Daxue Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-01-2012; ngày chấp nhận đăng: 10-4-2012)